

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 118/ĐĐBQH-VP

Trà Vinh, ngày 06 tháng 10 năm 2023

V/v lấy ý kiến đóng góp đối với dự thảo
Luật Thủ đô

Kính gửi:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 530/NQ-UBTVQH15 ngày 12/7/2022 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022. Theo đó, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV, Quốc hội sẽ xem xét cho ý kiến đối với dự thảo Luật Thủ đô, để góp phần hoàn thiện các quy định có liên quan đến các dự thảo Luật, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trân trọng gửi đến các cơ quan, đơn vị dự thảo Luật Thủ đô để xin ý kiến góp ý (đính kèm dự thảo Luật).

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai đóng góp ý kiến đối với dự thảo Luật nêu trên và gửi báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp về Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (qua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh) trước ngày 18/10/2023, đồng thời gửi file điện tử (file word) qua địa chỉ Email: vpddbqhtv@travinh.gov.vn. Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các vị đại biểu Quốc hội khóa XV;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban lãnh đạo VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Phòng trực thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, CTQH, Hà

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Thạch Phước Bình

Luật số: /2024/QH15

DỰ THẢO

LUẬT
THỦ ĐÔ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thủ đô.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định vị trí, vai trò; tổ chức chính quyền; tài chính, ngân sách, huy động nguồn lực đầu tư; xây dựng, phát triển, quản lý, bảo vệ Thủ đô và liên kết vùng Thủ đô.

Điều 2. Vị trí, vai trò của Thủ đô

- Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.
- Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế và hội nhập quốc tế của cả nước.
- Trụ sở cơ quan Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đặt tại khu vực Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Dự án khởi nghiệp sáng tạo* là dự án sản xuất, kinh doanh thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng sinh lời, tăng trưởng đột biến về quy mô khách hàng, doanh thu và tạo giá trị lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội.
- Dự án phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (Dự án TOD)* là một dự án tổng thể đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị gắn với các khu vực TOD dọc tuyến.
- Đô thị trung tâm* là khu vực gồm khu vực nội đô lịch sử và các quận có ranh giới tiếp giáp, liên tục với khu nội đô lịch sử được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

4. *Khu phát triển thương mại và văn hóa* là khu vực tập trung đầu tư phát triển các hoạt động dịch vụ, thương mại, văn hóa với các lợi thế về vị trí thương mại, không gian văn hóa trên cơ sở bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường cao hơn so với quy định chung để thu hút du lịch, phát triển văn hóa, thúc đẩy các hoạt động thương mại trên địa bàn, cải thiện đời sống dân cư, bảo tồn các ngành, nghề truyền thống.

5. *Khu vực nội đô lịch sử* là khu vực bảo tồn di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội, các giá trị truyền thống của người Hà Nội, bao gồm các khu vực thuộc quận Đống Đa, Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Tây Hồ được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

6. *Khu vực TOD* là khu vực bao gồm nhà ga đường sắt đô thị và vùng phụ cận được xác định theo quy hoạch chi tiết để thực hiện xây dựng đường sắt đô thị kết hợp tái thiết đô thị, đầu tư phát triển đô thị.

7. *Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD)* là một giải pháp tổng thể về phát triển đô thị làm cơ sở cho quy hoạch, tái thiết và phát triển đô thị, lấy đầu mối giao thông đường sắt đô thị làm điểm tập trung dân cư, kinh doanh dịch vụ thương mại, văn phòng trong khoảng cách đi bộ đến phương tiện giao thông công cộng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, sức khỏe cộng đồng, giảm phương tiện giao thông cơ giới cá nhân, giảm phát thải gây ô nhiễm môi trường, kết hợp với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

Điều 4. Áp dụng Luật Thủ đô

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Thủ đô, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Luật Thủ đô mà cần áp dụng thì phải quy định cụ thể ngay trong luật, nghị quyết đó.

Điều 5. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô

1. Xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô là nhiệm vụ thường xuyên, trực tiếp của các cấp chính quyền và Nhân dân thành phố Hà Nội; là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, các lực lượng vũ trang và Nhân dân cả nước.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp Nhân dân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

3. Nhà nước ưu tiên đầu tư, thu hút các nguồn lực nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, vùng Thủ đô để xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

Điều 6. Biểu tượng của Thủ đô

Biểu tượng của Thủ đô là hình ảnh Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Điều 7. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô

1. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được trao tặng cho người nước ngoài có đóng góp đặc biệt trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô hoặc trong việc thiết lập, mở rộng, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II CHÍNH QUYỀN TẠI THỦ ĐÔ

Điều 8. Tổ chức chính quyền tại thành phố Hà Nội

1. Chính quyền địa phương tại thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, xã, thị trấn là cấp chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương tại các huyện thuộc thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Chính quyền địa phương ở các phường tại thành phố Hà Nội là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước, hoạt động theo chế độ thủ trưởng, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; ủy quyền của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 9. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã.

b) Trên tổng số biên chế cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thành phố Hà Nội được tăng thêm biên chế từ nguồn biên chế dự phòng căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm, quy mô dân số, thực trạng khối lượng công việc, mức độ hiện đại hóa trang thiết bị, phương tiện làm việc, đặc điểm an ninh, chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội để bảo đảm các chi phí cho biên chế tăng thêm. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về số lượng biên chế tăng thêm;

c) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Luật này.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được bầu 125 đại biểu, trong đó có ít nhất 25% số đại biểu hoạt động chuyên trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, không quá 03 (ba) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các ủy viên là Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, trưởng các ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan. Trong thời gian Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội không họp, Hội đồng nhân dân Thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất các vấn đề sau đây:

a) Quyết định các biện pháp để giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C quy định tại Luật Đầu tư công;

c) Quyết định việc hỗ trợ cụ thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36 của Luật này căn cứ vào dự toán ngân sách hằng năm được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

5. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm có Trưởng ban, không quá 02 (hai) Phó Trưởng ban và không quá 04 (bốn) ủy viên hoạt động chuyên trách.

Điều 10. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã;

b) Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

d) Phân cấp hoặc ủy quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cho các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

đ) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự giải quyết để thực hiện việc ủy quyền quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều này; trình tự giải quyết các thủ tục hành chính quy định tại khoản 3 Điều này; bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực, các điều kiện cần thiết khác để thực hiện việc được ủy quyền và thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể và thường xuyên giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ủy quyền việc giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp dưới.

Điều 11. Hội đồng nhân dân quận, thị xã

Hội đồng nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quyết định, phân bổ, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách; phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận, thị xã, trong đó bao gồm ngân sách của các

phường trực thuộc theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Bố trí trong dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân phường khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách phường để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa, cứu trợ, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cần thiết khác chưa được dự toán;

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công tại các phường trực thuộc theo quy định của Luật Đầu tư công;

3. Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phường trực thuộc quận, thị xã;

4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình ở phường; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Điều 12. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã

1. Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại Điều 11 của Luật này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các phường trực thuộc; quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách;

c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn các phường trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phân cấp, ủy quyền.

Điều 13. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội

1. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân quận, thị xã quy định tại Điều 11 và các quy định khác tại Luật này.

2. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể một số cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

3. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội gồm có Chủ tịch, 02 (hai) Phó Chủ tịch và không quá 09 (chín) đại biểu chuyên trách.

Tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội gồm có Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế và Ban Đô thị; mỗi ban gồm có trưởng ban và không quá 02 (hai) Phó Trưởng ban.

Điều 14. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội

1. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, thị xã quy định tại khoản 1 Điều 12 và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quy định tại Luật này;

b) Điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

d) Tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, tổ chức của thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

2. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội có không quá 04 Phó Chủ tịch.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật này; nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phân cấp, ủy quyền.

Điều 15. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân phường có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định chi từ khoản chưa phân bổ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất;

b) Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân quận, thị xã; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý;

c) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử và tổ chức thực hiện việc bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội; ủy quyền của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

e) Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trên địa bàn phường; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật, trừ quy định tại khoản 2 Điều 36 và Điều 63 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường như sau:

a) Ủy ban nhân dân phường gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các công chức khác của phường. Phường loại I và loại II có không quá 02 (hai) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, phường loại III có 01 (một) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường;

b) Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức phường theo quy định; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền; quản lý toàn diện mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân phường; ký và chịu trách nhiệm về các văn bản của Ủy ban nhân dân phường với chức danh Chủ tịch, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở phường.

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có thể ủy quyền cho công chức phường giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Điều 16. Chế độ công vụ, công chức của cơ quan, đơn vị ở thành phố Hà Nội

1. Chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp ở thành phố Hà Nội được thực hiện như sau:

a) Cán bộ được bầu cử, phê chuẩn giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ được quản lý thống nhất từ cấp xã đến cấp thành phố;

b) Công chức được tuyển dụng, sử dụng, quản lý theo tiêu chuẩn chung từ cấp xã đến cấp thành phố;

c) Cán bộ làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp thành phố, cấp huyện, cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ mà đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu vị trí việc làm của chức danh công chức thì được tiếp nhận vào công chức.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng có thời hạn với người đáp ứng các điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Thu hút, trọng dụng nhân tài và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

1. Việc thu hút, trọng dụng nhân tài được thực hiện như sau:

a) Công dân Việt Nam có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc trong các lĩnh vực, ở trong nước, ở ngoài nước có công trình, sản phẩm, thành tích, công trạng hoặc cống hiến đặc biệt để phát triển một lĩnh vực, một ngành của Thủ đô được xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức và được hưởng các chế độ, chính sách do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định;

b) Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản này được ký hợp đồng làm việc hoặc được đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thành phố Hà Nội;

c) Người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao; nhiều kinh nghiệm thực tiễn; có công trình hoặc sản phẩm đã được nghiệm thu, công nhận, ứng dụng đem lại hiệu quả cao thì được ký hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục với chế độ đãi ngộ phù hợp do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định.

2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô được thực hiện như sau:

a) Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đạt trình độ khu vực và quốc tế ở các ngành, lĩnh vực: khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin và chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng; quy hoạch, xây dựng; văn hóa, nghệ thuật, thể thao; giáo dục đào tạo, dạy nghề; y tế; quản trị doanh nghiệp; tài chính, ngân hàng; giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế;

b) Hỗ trợ từ ngân sách của thành phố Hà Nội để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ sở đào tạo trọng điểm quốc gia có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô;

c) Cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng nghề cho cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên của Thủ đô đi học tập tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài;

d) Hỗ trợ hình thành các trung tâm quốc gia, trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô; hỗ trợ học phí cho học viên học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao của thành phố Hà Nội.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức

1. Thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, hội có tính chất đặc thù, một số cơ quan ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm 100% chi thường xuyên do thành phố Hà Nội quản lý theo năng lực, hiệu quả công việc, ngoài việc thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chung trong cả nước. Tổng mức chi phù hợp với khả năng ngân sách của thành phố Hà Nội và không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Chương III

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ THỦ ĐÔ

Điều 19. Quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô

1. Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải thực hiện theo Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô.

Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô phải bảo đảm xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, an ninh nguồn nước với sông Hồng là trục xanh, cảnh quan trung tâm, phát triển đô thị hài hòa hai bên sông của thành phố Hà Nội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thủ đô với các địa phương trong vùng Thủ đô và cả nước.

2. Tập trung nguồn lực, ưu tiên tổ chức thực hiện quy hoạch phân khu sông Hồng và sông Đuống.

3. Trên cơ sở đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của thành phố Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của thành phố Hà Nội và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch tại khoản này.

Điều 20. Biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch

1. Trong khu vực nội đô lịch sử không mở rộng diện tích sử dụng đất của các bệnh viện hiện có; không mở rộng, xây dựng mới khu công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không có trụ sở chính hoặc địa điểm đào tạo ở khu vực nội đô lịch sử trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì không được đặt địa điểm đào tạo trong khu vực nội đô lịch sử.

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan, đơn vị trong đô thị trung tâm không phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô phải thực hiện việc di dời. Thẩm quyền quyết định việc di dời như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức Trung ương;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

3. Quỹ đất của các cơ quan, đơn vị, cơ sở di dời khỏi đô thị trung tâm theo quy định tại khoản 2 Điều này, khoản 3 Điều 29 của Luật này được ưu tiên sử dụng để xây dựng không gian công cộng và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa.

4. Khi đầu tư xây dựng mới đường giao thông hoặc mở rộng trục đường giao thông hiện có theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thủ đô thì cơ quan có thẩm quyền lập quy hoạch chi tiết, trong đó xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện tái thiết đô thị, tái định cư tại chỗ, phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ.

Khi triển khai dự án phát triển đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền của thành phố Hà Nội đồng thời tổ chức thu hồi đất vùng phụ cận để sử dụng theo quy hoạch. Việc thu hồi đất trong trường hợp này được áp dụng như trường hợp thu hồi đất trong cùng dự án.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định trục đường giao thông mới hoặc mở rộng trục đường giao thông hiện có và vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện tái thiết đô thị, tái định cư tại chỗ, phát triển nhà ở, thương mại, dịch vụ.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định điều chỉnh mật độ xây dựng, chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD so với quy

định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng đối với khu vực đô thị hiện hữu, nhưng phải bảo đảm đáp ứng năng lực phục vụ của hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

Điều 21. Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị

1. Kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị của Thủ đô được quản lý theo đồ án quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc; bảo đảm bảo tồn các di sản kiến trúc, di sản thiên nhiên, phát huy các hình thái kiến trúc của các khu vực, công trình có giá trị văn hóa, lịch sử; phát triển không gian xanh, không gian ngầm, khu vực hai bên sông Hồng và các trục cảnh quan khác được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

2. Việc quản lý và sử dụng không gian ngầm tại các đô thị, khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô tuân theo các nguyên tắc sau đây:

a) Dựa trên cơ sở đánh giá đầy đủ về điều kiện tự nhiên, địa chất, địa mạo, thủy văn;

b) Bảo đảm quốc phòng, an ninh; phải có tính lưỡng dụng, sẵn sàng chuyển sang phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh; bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan môi trường, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

c) Phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch;

d) Việc xây dựng công trình ngầm phải thực hiện theo dự án đầu tư hoặc hạng mục của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp gây thiệt hại đến việc sử dụng đất của người sử dụng đất trên bề mặt của công trình ngầm phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Không gian ngầm phải phân vùng chức năng để quản lý, khai thác, sử dụng. Việc xây dựng công trình ngầm phải được cấp phép theo quy định.

4. Việc đầu tư xây dựng công trình trong không gian ngầm dùng chung hoặc không gian ngầm khu vực TOD phải căn cứ vào quy hoạch chi tiết.

5. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê không gian ngầm để xây dựng công trình ngầm theo dự án đầu tư hoặc hạng mục của dự án đầu tư sử dụng vào mục đích kinh doanh phải nộp tiền thuê không gian ngầm.

6. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình ngầm được cấp chứng nhận quyền sở hữu đối với công trình ngầm dưới mặt đất và thực hiện quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành danh mục các công trình ngầm được khuyến khích đầu tư xây dựng.

Điều 22. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị

1. Khi thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị phải gắn với bảo tồn công trình kiến trúc có giá trị để phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử.

2. Thực hiện lộ trình giãn dân ở khu vực nội đô lịch sử gắn với cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, bảo tồn công trình kiến trúc có giá trị.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Hỗ trợ cá nhân, tổ chức cải tạo, bảo tồn biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị; hỗ trợ cá nhân, tổ chức đầu tư cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở cũ tại phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý kiến trúc và thiết kế đô thị; hỗ trợ kiểm định chất lượng công trình;

b) Cơ chế hỗ trợ đền bù tái định cư, di dời, chuyển đổi nghề nghiệp;

c) Điều chỉnh chức năng sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết trong khu vực nội đô lịch sử để tái thiết, tái khai thác giá trị, bảo tồn biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị ở khu vực nội đô lịch sử;

d) Danh mục ô phố, tuyến phố đặc trưng, có giá trị văn hóa, lịch sử để phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Quy chế quản lý biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị trong khu vực nội đô lịch sử;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng; biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác, sử dụng biệt thự cũ, công trình kiến trúc có giá trị;

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập và quy định tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo tồn khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử.

Quỹ Bảo tồn khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ. Quỹ Bảo tồn khu vực nội đô lịch sử của Thủ đô hoạt động theo các quy định sau đây:

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Nguồn thu của Quỹ được hình thành từ nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các nguồn

tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước; các khoản đóng góp của chủ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới;

c) Nhiệm vụ chi của Quỹ là hỗ trợ cho chương trình, dự án, hoạt động phi dự án liên quan đến bảo tồn, hỗ trợ người dân để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử ngoài nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Điều 23. Phát triển văn hóa, thể thao

1. Việc bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô phải xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội; xây dựng Hà Nội là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước; xây dựng văn hóa người Hà Nội hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hóa, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

Ưu tiên các nguồn lực cho bảo vệ và phát triển văn hóa trên địa bàn Thủ đô; việc đầu tư các nguồn lực nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu bảo vệ, phát triển văn hóa Thủ đô và hội nhập quốc tế.

2. Đầu tư nguồn lực phát triển thể thao thành tích cao, xây dựng công trình thể thao hiện đại đạt tiêu chuẩn khu vực và thế giới; đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên đạt trình độ quốc gia, quốc tế; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp.

3. Xây dựng Trung tâm công nghiệp văn hóa theo quy hoạch.

4. Các khu vực, di tích và di sản sau đây được tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa:

a) Khu vực Ba Đình;

b) Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch; Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh;

c) Di tích Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các di sản văn hóa khác được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, Di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới;

d) Khu di tích Cổ Loa và các di tích quốc gia đặc biệt khác, các di tích quốc gia, bảo vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh trên địa bàn Thủ đô; di tích cấp Thành phố; di sản văn hóa trong danh mục được kiểm kê;

đ) Khu vực Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây;

e) Phố cổ, làng cổ và làng nghề, làng có nghề truyền thống tiêu biểu;

g) Biệt thự cũ, các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Nội dung, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt giải thể thao thành tích cao; huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập, tập huấn đội tuyển quốc gia; chế độ đào tạo, bồi dưỡng vận động viên trở thành huấn luyện viên, trọng tài viên quốc gia, quốc tế; việc học nghề để chuyển ngành đối với huấn luyện viên, vận động viên; văn nghệ sỹ, nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể; việc truyền dạy, thực hành, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; việc xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể;

b) Trình tự, thủ tục thành lập và nội dung ưu đãi đối với Trung tâm công nghiệp văn hóa;

c) Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề, làng có nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954; di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh trên địa bàn Thủ đô quy định tại điểm c, điểm d, điểm e và điểm g khoản 4 Điều này.

Điều 24. Phát triển giáo dục và đào tạo

1. Xây dựng và phát triển giáo dục, đào tạo Thủ đô Hà Nội là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao; cơ sở giáo dục có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô theo các tiêu chí về quy mô đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, dịch vụ giáo dục và cơ chế quản lý phù hợp với vị trí, vai trò của Thủ đô.

2. Đầu tư, xây dựng hệ thống trường học công lập bảo đảm không gian, cảnh quan sư phạm trong và ngoài nhà trường, đội ngũ giáo viên phục vụ tối đa nhu cầu học tập của học sinh Thủ đô; bảo đảm bố trí quỹ đất xây dựng trường học ở vị trí thuận lợi; không bố trí trường học gần nghĩa trang, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm tiếng ồn, không khí.

3. Cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thủ đô được thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài.

Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học;

b) Mức hỗ trợ và lộ trình thực hiện việc hỗ trợ học phí cho học sinh phổ thông và trẻ em mầm non trên địa bàn Thủ đô không phân biệt trường công lập, dân lập và tư thục.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Các tiêu chí về cơ sở vật chất, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục có nhiều cấp học; đội ngũ giáo viên, việc thuê giáo viên người nước ngoài; việc huy động nguồn lực để thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Việc bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục bổ trợ để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế.

Điều 25. Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

1. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ; ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng Thủ đô trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực.

Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô bao gồm: công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới; công nghệ chế tạo - tự động hóa; công nghệ môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao tiên bộ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội được áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thực hiện việc mua sắm thuê hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ mà không phải thực hiện thủ tục đấu thầu trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô; hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đặc biệt hoặc hàng hóa, dịch vụ chỉ có một nhà cung cấp;

b) Thu nhập của chuyên gia, nhà khoa học từ việc chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, vùng Thủ đô là thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân;

c) Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để mua sắm, vận hành máy móc, thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô; được nhận chuyển giao không bồi hoàn tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; doanh nghiệp được hưởng ưu đãi tương tự như doanh nghiệp công nghệ cao trong thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô;

d) Doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách Thành phố để hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm thuộc các lĩnh vực trọng điểm của Thủ đô.

3. Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô được hỗ trợ chi phí ươm tạo bao gồm chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia, nhân công lao động trực tiếp; dịch vụ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Ban hành quy chế quản lý, danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, vùng Thủ đô; các chương trình, dự án trọng điểm và lĩnh vực thu hút đầu tư trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô;

b) Quy định việc chuyển giao không bồi hoàn đối với tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo được Thành phố hỗ trợ kinh phí cho đơn vị chủ trì nhiệm vụ hoặc tổ chức, cá nhân có đủ năng lực ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm phục vụ công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô;

c) Quyết định sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội và các nguồn tài chính hợp pháp khác được huy động để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn Thủ đô nhận chuyển giao các công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô.

Điều 26. Phát triển các khu công nghệ cao

1. Xây dựng và phát triển đồng bộ các khu công nghệ cao trên địa bàn Thủ đô bao gồm khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Việc xây dựng các khu công nghệ cao phải thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của khu công nghệ cao trên địa bàn Thủ đô.

2. Khu Công nghệ cao Hòa Lạc là khu vực nghiên cứu, phát triển công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trọng điểm của Thủ đô và cả nước.

a) Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được sử dụng nguồn vốn từ ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố để đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài ranh giới Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

b) Việc phát triển nhà cho thuê dành cho chuyên gia, người lao động làm việc tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ như đối với nhà ở xã hội và các ưu đãi, hỗ trợ khác của Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý đầu tư, tài chính ngân sách, tài nguyên môi trường, lao động.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao, việc thành lập khu công nghệ cao.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 27. Phát triển y tế Thủ đô và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

1. Xây dựng hệ thống y tế Thủ đô tiên tiến và hiện đại phù hợp với quy mô dân số, địa bàn thực hiện. Tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, hệ thống khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, bảo đảm chăm sóc toàn diện sức khỏe Nhân dân. Phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện công lập và ngoài công lập.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập của thành phố Hà Nội được sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong mua sắm, sửa chữa thực hiện theo quy định về mua sắm, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Chế độ tài chính, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình;

b) Mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện; việc thanh toán dịch vụ y tế từ nguồn ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội, quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu từ người sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện;

c) Biện pháp hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực y tế thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài, cập nhật, chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực y dược, an toàn thực phẩm, phòng, chống dịch bệnh, y tế công cộng cho cơ sở y tế công lập của thành phố Hà Nội.

4. Trên cơ sở nguồn kinh phí bảo hiểm y tế được giao dự toán, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng kinh phí bảo hiểm y tế để chi trả dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, dịch vụ cấp cứu ngoại viện.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thủ đô;

b) Lộ trình phát triển và tổ chức, hoạt động của hệ thống cấp cứu ngoại viện trên địa bàn Thủ đô bao gồm Bệnh viện 115, Trung tâm điều phối cấp cứu, Trung tâm đào tạo cấp cứu và mạng lưới cấp cứu; trạm cấp cứu của 115 và các tổ cấp cứu ngoại viện của các bệnh viện đóng trên địa bàn Thủ đô;

c) Danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế và lộ trình thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình đối với khám bệnh, chữa bệnh, việc phân tuyến, chuyển tuyến phù hợp với sự phát triển của hệ thống y tế của Thủ đô;

d) Phân cấp, phân tuyến chuyên môn kỹ thuật các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe Nhân dân thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Điều 28. Chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội

1. Thành phố Hà Nội có trách nhiệm xây dựng hệ thống chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của Thủ đô bảo đảm đa dạng, toàn diện, hiện đại, bền vững, bao phủ toàn dân; phù hợp với từng nhóm đối tượng và khả năng ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội. Mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu về y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, trợ giúp xã hội, trợ giúp pháp lý, nước sạch, nhà ở xã hội, tiếp cận thông tin.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định các chính sách xã hội sau đây:

a) Quyết định bố trí ngân sách để hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm, vay mua nhà ở xã hội, hỗ trợ công nhân, người lao động trong các khu công nghiệp vay mua nhà ở xã hội;

b) Việc hỗ trợ đất sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số nghèo sinh sống ở xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi làm nghề nông, lâm nghiệp không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất trở lên. Trường hợp không bố trí được đất sản xuất thì hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm việc làm;

c) Hỗ trợ học phí học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng cho người học thường trú tại Hà Nội và con công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội sau đây:

a) Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 100% đối với người thuộc hộ nghèo; tối thiểu 60% đối với người thuộc hộ cận nghèo; tối thiểu 20% đối với các đối tượng khác. Hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật, người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, phụ nữ thuộc hộ nghèo;

b) Hỗ trợ khám sức khỏe miễn phí hàng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô. Kinh phí thực hiện việc khám sức khỏe được bảo đảm thực hiện từ ngân sách địa phương của thành phố Hà Nội, nguồn xã hội hóa theo lộ trình phù hợp.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội của thành phố Hà Nội; bố trí ngân sách phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở và khả năng ngân sách, xem xét, quyết định giao đất để làm nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống tại xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Thành phố chưa có đất ở; trường hợp người dân đã có đất ở nhưng chưa có nhà hoặc nhà bị đột nát thì hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà phù hợp với điều kiện, tập quán ở địa phương.

Điều 29. Bảo vệ môi trường

1. Quản lý và bảo vệ môi trường Thủ đô được thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững, phát triển kinh tế tuần hoàn và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa và lịch sử của Thủ đô; bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.

2. Trên địa bàn Thủ đô, nghiêm cấm lấn, chiếm, gây ô nhiễm sông, suối, hồ, ao, đầm, công viên, vườn hoa, khu vực công cộng; chặt phá rừng, cây xanh trái phép; xả chất thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép ra môi trường.

Việc san, lấp, cải tạo, phục hồi sông, hồ, ao, suối, đầm bị suy thoái, ô nhiễm môi trường phải phù hợp với quy hoạch đô thị, các quy định về kiến trúc, cảnh quan, môi trường của Thủ đô.

3. Di dời cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường kéo dài, sử dụng quá tải hoặc thâm dụng lao động; cơ sở y tế có nguy cơ truyền nhiễm, lây nhiễm cao ra khỏi đô thị trung tâm. Thẩm quyền quyết định việc di dời như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường kéo dài, sử dụng quá tải hoặc thâm dụng lao động; cơ sở y tế có nguy cơ truyền nhiễm, lây nhiễm cao thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức Trung ương;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Vùng phát thải thấp và các biện pháp cần thiết kèm theo để bảo đảm phát triển bền vững;

b) Hỗ trợ cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và lộ trình thực hiện; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch để giảm ô nhiễm môi trường; đầu tư phát triển phương tiện giao thông công cộng kết hợp lộ trình hạn chế phương tiện giao thông cá nhân để hạn chế ùn tắc giao thông, giảm phát thải;

c) Hỗ trợ và lộ trình thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, làng nghề ở nông thôn;

d) Lộ trình giảm phát thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt trên địa bàn Thủ đô.

Điều 30. Quản lý, sử dụng đất đai

1. Đối với khu vực đã có quy hoạch đô thị, nông thôn được phê duyệt thì không phải lập quy hoạch sử dụng đất nhưng phải lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định cho phép thu hồi đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 44 của Luật này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thông qua và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tất cả các khu đất, thửa đất không phân biệt giá

trị tính theo bảng giá đất trong trường hợp bảng giá đất đã thu thập thông tin thị trường và xây dựng đến từng thửa đất để áp dụng trong trường hợp Nhà nước cho thuê đất có thu tiền thuê đất hằng năm đối với tổ chức, cá nhân.

4. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thủ đô phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có nơi ở, thu nhập, việc làm và đời sống ổn định.

Thành phố xem xét hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thu hồi để tạo điều kiện cho các đối tượng này có việc làm, thu nhập, ổn định đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh;

b) Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi; nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi có nhu cầu được bồi thường bằng tiền thì được bồi thường bằng tiền theo nguyện vọng đã đăng ký khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc bằng nhà ở.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

5. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội đối với quỹ đất bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật về đất đai thì thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất hoặc thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất dựa trên điều kiện, tính chất của dự án thông qua cơ chế thẩm định, đánh giá lựa chọn phương án.

6. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất dưới 1.000 ha, trồng lúa dưới 500 ha sang mục đích khác phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa sang các loại đất phi nông nghiệp phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất dưới 1.000 ha, đất trồng lúa dưới 500 ha do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên đất trồng lúa sang trồng cây hằng năm, cây lâu năm, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác;

b) Việc góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai để thực hiện dự án chỉnh trang, tái thiết, phát triển đô thị; thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn; mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn; cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng lại các khu nhà chung cư; mở rộng, nâng cấp đường giao thông;

c) Việc góp quyền sử dụng đất, cho thuê quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong các trường hợp tập trung đất nông nghiệp để thực hiện sản xuất nông nghiệp.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc cho phép các tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất có thu tiền thuê đất hằng năm mà tiền thuê đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê lại quyền thuê đất trong hợp đồng thuê đất nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

b) Tài sản gắn liền với đất thuê được tạo lập hợp pháp theo quy định của pháp luật;

c) Đã hoàn thành việc xây dựng theo đúng quy hoạch xây dựng chi tiết và dự án đầu tư đã được phê duyệt, chấp thuận, trừ trường hợp phải thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan thi hành án dân sự hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra;

d) Đất không có tranh chấp;

đ) Trong thời hạn sử dụng đất;

e) Người mua, thuê quyền thuê đất trong hợp đồng thuê đất phải có năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư; không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án trước đó.

Người mua, thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất được tiếp tục sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án và phải thực hiện thủ tục đăng ký thế chấp, chuyển nhượng, cho thuê quyền thuê trong hợp đồng thuê đất. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm đăng ký đất đai vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai trên cơ sở hợp đồng đã ký kết.

9. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ quy định của pháp luật về đề điều và quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức quản lý, sử dụng đất bãi sông, bãi nổi kết hợp các giải pháp cải tạo, nâng cấp hệ thống đề điều, chỉnh trị, cải tạo luồng, tuyến thoát lũ để xây dựng, phát triển đô thị hài hòa hai bên sông, ổn định dân cư, tạo cảnh quan môi trường, cấp nước và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho Thủ đô theo các tiêu chuẩn phòng, chống lũ của hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình và sông Đáy.

Điều 31. Phát triển nhà ở

1. Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn Thủ đô phải phù hợp với Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, các khu nhà ở xã hội tập trung theo hướng hiện đại, thuận tiện ở ngoài đô thị trung tâm, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở có trách nhiệm hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo tiến độ, nội dung dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận trước khi đưa công trình nhà ở vào khai thác sử dụng.

2. Việc phát triển nhà ở xã hội ở Thủ đô được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Theo mô hình căn hộ chung cư; trường hợp dự án nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng tại xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì được xây dựng nhà ở riêng lẻ phù hợp với điều kiện về đất đai, dân cư của Thủ đô và quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội trong các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị;

b) Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được lập đồng thời với việc lập đồ án quy hoạch chi tiết; việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan đối với nhiệm vụ

và đồ án quy hoạch chi tiết được thực hiện cùng một thời điểm; việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết phải được thực hiện trước, làm cơ sở thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết;

c) Bố trí vốn ngân sách Thành phố để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội độc lập, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giao cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội thực hiện giải phóng mặt bằng và lập dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu trong phạm vi ranh giới của dự án.

3. Thời hạn sử dụng nhà chung cư được xác định theo hồ sơ thiết kế khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng. Thời hạn sử dụng nhà chung cư sẽ được điều chỉnh trong quá trình sử dụng theo kết quả kiểm định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thời hạn này chỉ áp dụng đối với chung cư mới xây dựng kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Đối với các trường hợp nhà chung cư buộc phải phá dỡ do hết thời hạn sử dụng hoặc buộc phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở thì chủ sở hữu nhà chung cư có trách nhiệm xây dựng lại hoặc lựa chọn nhà đầu tư xây dựng lại nhà chung cư. Trường hợp chủ sở hữu nhà chung cư không xây dựng lại hoặc không lựa chọn được nhà đầu tư xây dựng lại nhà chung cư trong thời hạn quy định thì Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện giải phóng mặt bằng và các quy trình để xây dựng lại nhà chung cư theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định phạm vi ranh giới dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư khi lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết và quyết định điều chỉnh lại chức năng sử dụng đất trong phạm vi dự án.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương hoặc vay từ quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách để tổ chức lập quy hoạch, kiểm định, thực hiện đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trong trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện đầu tư xây dựng.

Điều 32. Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Chính sách đầu tư và huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng, các công trình ngầm công cộng trên địa bàn Thủ đô;

b) Chính sách phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác đường sắt đô thị, xe buýt, nhà ga, bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện giao thông phát thải thấp;

c) Chính sách phát triển đường vành đai, trung tâm logistic, hệ thống giao thông công cộng trong vùng Thủ đô;

d) Khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức quản lý, bảo trì các đoạn tuyến quốc lộ, đường vành đai, đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn Thủ đô và đường cao tốc đô thị nằm hoàn toàn trên địa bàn Thủ đô.

Điều 33. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

1. Việc phát triển nông nghiệp sinh thái của Thủ đô thực hiện theo mô hình nông nghiệp bền vững, chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế nhằm bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn thực phẩm.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cao hơn và ngoài các quy định của Trung ương ban hành đối với các nội dung sau đây:

- a) Giống, chuyển giao công nghệ trong sản xuất giống;
- b) Công nghệ bảo quản, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp;
- c) Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp;
- d) Phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm;
- đ) Hoạt động bảo vệ môi trường trong sản xuất và sơ chế nông sản;
- e) Phát triển các chuỗi liên kết giá trị, thị trường tiêu thụ sản phẩm;
- g) Phát triển kinh tế tập thể, làng nghề, làng có nghề;
- h) Kinh phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất, thuê mặt nước.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Các hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp ở bãi sông để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp tham quan, giáo dục trải nghiệm, du lịch trải nghiệm theo nguyên tắc việc xây dựng trên đất nông nghiệp ở bãi sông có đề phải phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề, quy hoạch đề điều, quy hoạch thành phố Hà Nội được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về đề điều và pháp luật khác có liên quan;

b) Cho phép xây dựng trên đất nông nghiệp các công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung.

4. Chính phủ quy định chi tiết tỷ lệ diện tích, điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép, loại công trình phụ trợ bán kiên cố phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp trên đất nông nghiệp.

Điều 34. Biện pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô

1. Xây dựng tiềm lực, lực lượng và thể trận quân sự khu vực phòng thủ bảo vệ Thủ đô; phương án bảo đảm an toàn cho Thủ đô trong mọi tình huống; bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô bằng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả; mọi vi phạm pháp luật phải được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thủ đô được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định sau đây:

a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt chung do Chính phủ quy định và không vượt quá mức phạt tối đa theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm;

b) Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước tại địa điểm vi phạm đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, nhà ở, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy đã bị lập biên bản vi phạm hành chính hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a khoản này có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở thành phố Hà Nội có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản này.

3. Các trường hợp áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính:

a) Công trình xây dựng sai quy hoạch, công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng đối với công trình theo quy định phải có giấy phép hoặc xây dựng sai với nội dung quy định trong giấy phép xây dựng;

b) Công trình xây dựng lấn chiếm đất công, đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân; công trình xây dựng sai với thiết kế xây dựng được phê duyệt đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng;

c) Công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, kinh doanh được xây dựng trên diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trái phép;

d) Nhà ở xây dựng trong khu vực cấm xây dựng hoặc xây dựng trên đất không phải là đất ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Công trình xây dựng, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đã đưa vào hoạt động;

e) Cơ sở kinh doanh vũ trường, bar, karaoke không bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

4. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính;

b) Người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phải giao quyết định này cho đối tượng vi phạm; đồng thời, gửi cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ điện, nước kèm thông báo đề nghị họ dừng cung cấp dịch vụ điện nước tại địa điểm vi phạm đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm;

c) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ điện, nước phải dừng ngay việc cấp điện, cấp nước tại địa điểm vi phạm đối với công trình, nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được quyết định.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định hành vi vi phạm áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy và thủ tục áp dụng biện pháp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Chương IV

TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ

Điều 35. Huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu (thường và bổ sung có mục tiêu) cho Thành phố tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố, các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% vượt so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, trừ các khoản sau:

a) Khoản thu thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu;

b) Khoản chênh lệch thu, chi của Ngân hàng nhà nước;

c) Khoản thu không giao cho thành phố Hà Nội quản lý thu, không phát sinh trên địa bàn Thành phố nhưng hạch toán nộp ở thành phố Hà Nội;

d) Các khoản thu đã được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho nhiệm vụ chi cụ thể;

đ) Các khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định áp dụng trên địa bàn một số loại phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.

Việc thu phí, lệ phí trên địa bàn Thủ đô quy định tại khoản này phải bảo đảm có lộ trình; phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

3. Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu phí, do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại khoản 2 Điều này để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và phúc lợi xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội; các khoản thu này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn trái phiếu Chính phủ phát hành không phụ thuộc vào hạn mức trần.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ liên quan đến khoản vay lại.

Tổng mức vay và bội chi ngân sách thành phố Hà Nội hằng năm do Quốc hội quyết định. Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định cụ thể nguồn vay trong nước, nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nguồn trái phiếu Chính phủ phát hành hoặc bảo lãnh Chính phủ nhưng phải bảo đảm trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại tối đa các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố để tạo nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và các công trình, dự án trọng điểm có tính chiến lược của Thủ đô, vùng Thủ đô, hỗ trợ di dời các cơ sở, đơn vị thuộc danh mục phải di dời theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 29 của Luật này. Hằng năm, trên cơ sở báo cáo, đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tỷ lệ điều tiết cụ thể phù hợp với mục tiêu sử dụng nguồn vốn.

Điều 36. Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố Hà Nội và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội sau khi đã bảo đảm đủ nguồn để thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô theo quy định tại Điều 18 của Luật này và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương thực hiện các dự án cải tạo, mở rộng hoặc xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình tài sản công đã có do thành phố Hà Nội quản lý;

c) Kinh phí từ ngân sách để hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho đối tượng thuộc diện phải di dời theo quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 3 Điều 29 của Luật này;

d) Sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội hỗ trợ các cơ quan trung ương để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm phát triển kinh tế xã hội, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết, cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ an sinh xã hội;

đ) Quyết định nguồn vốn ngân sách để lập các loại quy hoạch;

e) Sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án trọng điểm có tính chất vùng, liên tỉnh nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thủ đô và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thủ đô phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

g) Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mới hoặc cao hơn của trung ương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện với điều kiện thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng và tổng các khoản tạm ứng tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 của năm trước;

b) Trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định bố trí dự toán vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm cho các dự án quy định tại điểm a khoản này để thu hồi vốn tạm ứng, hoàn trả Quỹ dự trữ tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 37. Tách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

2. Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng.

Quyết định đầu tư là căn cứ để bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể và điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo tiêu chí, trình tự, thủ tục đối với các dự án đầu tư công quy định tại Luật Đầu tư công.

Điều 38. Thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Áp dụng phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là PPP) đối với các dự án trong lĩnh vực văn hóa và thể thao trên địa bàn Thủ đô. Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án đầu tư theo hình thức PPP thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

Điều 39. Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng

1. Việc đầu tư phát triển đường sắt đô thị Thủ đô được ưu tiên áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng để thực hiện tái thiết đô thị, tái định cư, đầu tư phát triển đô thị mới theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án TOD căn cứ vào điều kiện về ngân sách, quyền sử dụng đất, quyền sử dụng không gian ngầm, khoảng không trên cao tại khu vực TOD có thể đấu giá để thực hiện tái thiết đô thị, đầu tư phát triển đô thị mới, xây dựng theo quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng được phê duyệt và phát triển đường sắt đô thị.

3. Việc huy động nguồn lực để phát triển đường sắt đô thị theo TOD được thực hiện như sau:

a) Trên cơ sở Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô, quy hoạch phân khu, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và khu vực TOD, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sử dụng công trình ngầm, công trình trên cao trong khu vực TOD;

b) Tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất, quyền sử dụng không gian ngầm, khoảng không trên cao tại khu vực TOD được đầu tư xây dựng đường sắt đô thị, hệ thống giao thông công cộng kết nối với hệ thống đường sắt đô thị, hạ tầng kỹ thuật kết nối đến nhà ga. Doanh nghiệp nhà nước được giao trách nhiệm đầu tư, vận hành, khai thác đường sắt đô thị được giao trách nhiệm quản lý, khai thác quỹ đất trong khu vực TOD theo quy định tại Luật này.

4. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án TOD thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư dự án TOD.

5. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường sắt đô thị và các khu vực TOD được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án tuyến đường sắt đô thị tổ chức lập quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt đô thị và các khu vực TOD dọc tuyến.

6. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án TOD, các dự án thành phần thuộc dự án TOD bao gồm cả dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được thực hiện như sau:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

b) Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi gửi Hội đồng thẩm định;

d) Hội đồng thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định đầu tư dự án TOD và các dự án thành phần thuộc dự án TOD.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế về đường sắt đô thị cao hơn hoặc bằng với quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam nhằm áp dụng thống nhất đối với toàn bộ các tuyến đường sắt đô thị tại Thủ đô và vùng Thủ đô.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 40. Thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao

1. Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (sau đây gọi là hợp đồng BT) là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án (nếu có) để xây dựng công trình hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nhà đầu tư được thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Thành phố Hà Nội được thực hiện hình thức hợp đồng BT đối với các dự án đầu tư có quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, thuộc các lĩnh vực giao thông vận tải; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm môi trường; hạ tầng kỹ thuật trong lĩnh vực thủy lợi.

2. Thành phố Hà Nội được quyết định thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công hoặc tài sản công, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

Dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công chỉ thực hiện trong trường hợp không có cơ quan, tổ chức đủ năng lực để thực hiện dự án theo hình thức đầu tư công hoặc việc thực hiện dự án theo hình

thức BT thanh toán bằng vốn đầu tư công có hiệu quả hơn việc thực hiện dự án theo hình thức đầu tư công.

a) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT được thực hiện như đối với dự án PPP theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án BT được thực hiện sau khi thiết kế cơ sở được phê duyệt;

b) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án theo hợp đồng BT được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và xây dựng.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định sử dụng quỹ đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội để thanh toán cho nhà đầu tư dự án xây dựng công trình.

a) Quỹ đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất, chỉ thực hiện với điều kiện tài sản công đó sẽ được đấu giá theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Trường hợp nhà đầu tư không trúng đấu giá thì sẽ được thanh toán bằng tiền thu được từ đấu giá tài sản công đó; trường hợp nhà đầu tư trúng đấu giá thì nhà đầu tư sẽ được thanh toán bằng tài sản công đó, đồng thời nhà đầu tư có nghĩa vụ trả phần chênh lệch (nếu có) giữa giá trị hợp đồng BT và giá trúng đấu giá.

c) Trường hợp việc đấu giá không thành theo pháp luật đấu giá thì nhà đầu tư sẽ được thanh toán bằng tài sản công đó. Việc thanh toán thực hiện theo nguyên tắc ngang giá, giá trị dự án BT tương đương với giá trị tài sản thanh toán và được xác định như sau: giá trị của tài sản công được xác định theo giá thị trường theo quy định của pháp luật tại thời điểm thanh toán; giá trị của dự án BT được xác định theo kết quả đấu thầu.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định sử dụng vốn ngân sách Thành phố, bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, dự toán ngân sách hằng năm và bố trí vốn đầu tư công trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Thành phố để thanh toán cho nhà đầu tư sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong hợp đồng BT và giám sát việc thực hiện.

Thành phố được đấu giá quyền sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm, khoáng không và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và được sử dụng nguồn lực từ đấu giá để chi trả cho dự án BT.

Đối với hợp đồng BT thanh toán bằng vốn đầu tư công, dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư của dự án BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công về xây dựng; chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án.

Việc sử dụng quỹ đất, nhà và tài sản gắn liền với đất để thanh toán cho nhà đầu tư dự án BT chỉ được thực hiện sau khi đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án BT.

6. Chính phủ quy định lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, thời điểm thanh toán, quyết toán thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

Điều 41. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát

1. Cho phép thành phố Hà Nội áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong một số lĩnh vực. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là việc ứng dụng, thử nghiệm các mô hình mới được giới hạn về phạm vi, đối tượng, điều kiện, thời gian và chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong một số lĩnh vực mà chưa được pháp luật quy định, cần được thí điểm để tạo đột phá về giá trị và hiệu quả.

Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát quy định tại khoản này không áp dụng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Phạm vi lĩnh vực áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát:

a) Các giải pháp công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, vật liệu mới trong khu công nghệ cao;

b) Tại các khu thúc đẩy thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa;

c) Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ, được huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách để đầu tư mạo hiểm, thúc đẩy, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực trọng điểm về khoa học công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật này do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập và quy định tổ chức, hoạt động của Quỹ Đầu tư mạo hiểm. Quỹ Bảo Đầu tư mạo hiểm hoạt động theo các quy định sau đây:

a) Trong thời gian thử nghiệm, Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội chỉ đầu tư các dự án ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nguồn có vốn điều lệ của doanh nghiệp không quá 10 tỷ đồng.

b) Thời gian thử nghiệm mô hình Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố Hà Nội là 05 năm. Sau khi 05 năm, tùy tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tiếp tục kéo dài thời gian thử nghiệm, mở rộng đối tượng doanh nghiệp được đầu tư từ Quỹ, dừng mô hình thử nghiệm hoặc kết thúc thử nghiệm để chuyển thành quy định chính thức của Thành phố.

4. Các tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm trong các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chí và được xét duyệt, cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

5. Thời gian và phạm vi thử nghiệm:

a) Thời gian thử nghiệm tối đa 03 năm tùy giải pháp và lĩnh vực cụ thể, tính từ thời điểm được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm.

Thời hạn của Giấy chứng nhận tham gia cơ chế thử nghiệm không vượt quá thời hạn (nếu có) của Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm;

b) Căn cứ vào tình hình thực hiện thử nghiệm thực tế, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thể điều chỉnh thời gian thử nghiệm.

6. Giám sát quá trình thử nghiệm và kết thúc thời gian thử nghiệm:

a) Các tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin có liên quan tới quá trình thử nghiệm theo định kỳ và đột xuất. Trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm;

b) Tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình thử nghiệm;

c) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội công khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; chịu trách nhiệm về việc áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, kiểm tra, giám sát thường xuyên trong quá trình thử nghiệm; xem xét, quyết định về

việc dừng thử nghiệm, hoàn thành thử nghiệm hoặc điều chỉnh thời gian thử nghiệm đối với tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm; hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.

7. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định khoản 2, khoản 6 Điều này.

Điều 42. Quản lý tài sản công

1. Hợp đồng nhượng quyền kinh doanh, quản lý là hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp để kinh doanh một phần hoặc toàn bộ công trình trong một thời hạn nhất định.

2. Thành phố Hà Nội được sử dụng tài sản công để nhượng quyền kinh doanh, quản lý, liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ.

3. Tài sản công được nhượng quyền kinh doanh, quản lý bao gồm:

a) Công trình, hạ tầng văn hóa do Nhà nước đầu tư trên địa bàn Thủ đô trừ bảo tàng, thư viện, di tích lịch sử, văn hóa;

b) Công trình, hạ tầng thể thao do Nhà nước đầu tư trên địa bàn Thủ đô.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Danh mục công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao được nhượng quyền kinh doanh, quản lý;

b) Nguyên tắc, điều kiện, hình thức, nội dung, thời hạn, phương án tài chính và trình tự, thủ tục nhượng quyền kinh doanh, quản lý và liên kết;

c) Biện pháp bảo vệ, quản lý, sử dụng, khai thác các công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao và tài sản công trong việc liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ.

Điều 43. Thẩm quyền về đầu tư

1. Dự án trọng điểm của Thủ đô là dự án có quy mô lớn, có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa, kết nối để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, vùng Thủ đô và cả nước. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định Danh mục dự án trọng điểm của Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

a) Dự án đường sắt đô thị;

b) Dự án sử dụng vốn đầu tư công tối đa 20.000 tỷ đồng, trừ dự án quy định tại điểm a khoản này;

c) Dự án sử dụng ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài giao thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư; dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước kết hợp với nguồn vốn ngoài ngân sách;

d) Dự án đầu tư công liên tỉnh nằm trong vùng Thủ đô.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao và các dự án sau đây:

a) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua, khu đô thị có quy mô sử dụng đất dưới 500 ha hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên;

b) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản này.

4. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Đầu tư công và dự án đầu tư công nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án: dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh không sử dụng nguồn ngân sách địa phương; dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ; dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

5. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố thuộc thành phố Hà Nội sau đây:

a) Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng;

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua, khu đô thị có quy mô sử dụng đất dưới 300 ha và quy mô dân số dưới 50.000 người;

c) Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quy định trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại khoản này.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc tế và quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá trong các lĩnh vực, phương thức thanh toán khác quy định trong văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm và nhu cầu xây dựng, phát triển Thủ đô.

Điều 44. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

1. Danh mục dự án, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô bao gồm:

a) Đầu tư dự án trọng điểm của Thủ đô bao gồm: xây dựng đô thị vệ tinh, dự án giao thông đường sắt đô thị, dự án giao thông công cộng khối lượng lớn nội vùng và liên vùng, dự án khu công nghệ cao; xử lý ô nhiễm môi trường các dòng sông;

b) Dự án công nghiệp chế tạo, sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo phát triển và chế tạo hệ thống đầu máy, toa xe, thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh;

c) Dự án trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); dự án nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề, lĩnh vực thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chứng minh được năng lực về tài chính, công nghệ và kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có quy mô vốn tương đương với quy mô dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược;

c) Có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, về việc nội địa hóa, cam kết về thực hiện dự án đầu tư đúng mục tiêu theo Danh mục dự án, ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô; đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Trong quá trình thực hiện dự án trọng điểm, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và không thực hiện đúng cam kết với thành phố Hà Nội thì nhà đầu tư chiến lược, cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư không được hưởng ưu đãi quy định tại Luật này. Nhà đầu tư chiến lược, cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ngân sách thành phố Hà Nội các khoản đã được nhận ưu đãi hơn so với nhà đầu tư khác, đồng thời phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về các hậu quả phát sinh khác do không thực hiện đúng cam kết của mình.

4. Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 6 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, được hưởng các ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 45 của Luật này.

5. Căn cứ các dự án thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Theo thẩm quyền đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật này, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô và với quy mô tổng vốn đầu tư đối với từng loại dự án và ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Đối với dự án đầu tư không thuộc diện phải thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư mà cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất và dự án thuộc diện phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, thì việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 5 Điều này, cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội công bố thông tin dự án, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Căn cứ nội dung thông tin được công bố quy định tại điểm a khoản này, nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và tài liệu khác có liên quan (nếu có);

c) Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, người có thẩm quyền lựa chọn nhà đầu tư quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ và điểm e khoản này;

d) Trường hợp chỉ có 01 (một) nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có 01 (một) nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì chấp thuận nhà đầu tư đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

đ) Trường hợp có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó chỉ có 01 (một) nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

e) Trường hợp có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, trong đó có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số các nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược;

g) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

7. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết danh mục ngành, nghề, lĩnh vực, quy mô vốn đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô.

Điều 45. Ưu đãi đầu tư

1. Các dự án đầu tư được ưu đãi gồm:

a) Dự án đầu tư mới vào lĩnh vực thể thao và một số ngành công nghiệp văn hóa gồm: điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; du lịch văn hóa theo danh mục cụ thể do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định;

b) Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao, cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học; cơ sở giáo

dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội trên địa bàn Thủ đô; cơ sở đào tạo người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn;

c) Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại tại các vùng khó khăn về kinh tế - xã hội;

d) Dự án đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện;

đ) Dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ trọng điểm của Thủ đô;

e) Dự án sử dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý chất thải, nước thải; dự án phát triển làng nghề truyền thống.

2. Nhà đầu tư khi đầu tư vào các dự án quy định tại điểm a, b, c, đ và điểm e khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại.

Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng công sản tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố;

b) Được áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

3. Các doanh nghiệp hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực ưu tiên của thành phố Hà Nội được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thủ đô;

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thủ đô;

c) Miễn một số tiêu chí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu của thành phố Hà Nội, bao gồm yêu cầu về doanh thu, nguồn lực tài chính, hợp đồng tương tự và các yêu cầu khác để phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Khi đánh giá, xếp hạng hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội được tính ưu đãi như đối với trường hợp nhà thầu cung cấp hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên theo quy định của pháp luật về đấu thầu, cách tính ưu đãi thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào các dự án quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Miễn tiền sử dụng đất khi thành lập, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Vay vốn với lãi suất ưu đãi trong 05 năm đầu thành lập theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

c) Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khen thưởng động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

Tiền ủng hộ, tài trợ của các cá nhân cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện và tiền khen thưởng động viên cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại thành phố Hà Nội.

5. Nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào các dự án quy định tại khoản 1 Điều 44 và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật này được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 44 của Luật này;

b) Hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thủ đô khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Hỗ trợ phát triển nhân lực; hạ tầng và các công trình hạ tầng xã hội; chi phí hỗ trợ cho các sản phẩm công nghệ cao; nghiên cứu và phát triển.

Chương V **LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG THỦ ĐÔ**

Điều 46. Vùng Thủ đô

1. Vùng Thủ đô là vùng phát triển kinh tế - xã hội, tập trung hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật quốc gia; địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước.

2. Vùng Thủ đô gồm Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hòa Bình, Hưng Yên, Phú Thọ, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc.

3. Thủ đô Hà Nội là trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Điều 47. Trách nhiệm của chính quyền địa phương trong vùng Thủ đô

1. Chính quyền địa phương trong vùng Thủ đô có trách nhiệm phối hợp, huy động nguồn lực để thực hiện liên kết vùng; bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội vùng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trong vùng Thủ đô.

2. Chính quyền thành phố Hà Nội có trách nhiệm, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì điều phối thực hiện và quản lý quy hoạch vùng Thủ đô sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Phê duyệt, thực hiện và huy động các nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư trong vùng Thủ đô hoặc dự án đầu tư tại các tỉnh khác trong Vùng.

c) Chủ động đề xuất Hội đồng vùng Thủ đô điều phối và liên kết chương trình hợp tác giữa các địa phương trong từng lĩnh vực liên kết quy định tại Điều 49 của Luật này.

Điều 48. Nguyên tắc phối hợp liên kết vùng Thủ đô

1. Tuân thủ Hiến pháp, Luật Thủ đô và các luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng Thủ đô.

2. Đồng thuận, bình đẳng, công khai, minh bạch phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Thực hiện phối hợp thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp được giao cho bộ, ngành, địa phương có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan hoặc chịu tác động nhiều nhất đến lĩnh vực, nhiệm vụ cần phối hợp.

5. Những vấn đề không đạt được sự đồng thuận hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các bộ, ngành và địa phương trong vùng Thủ đô thì căn cứ đề nghị của Hội đồng điều phối Vùng, Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Thủ đô báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 49. Lĩnh vực liên kết của vùng Thủ đô

Lĩnh vực liên kết của vùng Thủ đô là tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng tâm sau:

1. Phát triển nông nghiệp sinh thái theo chuỗi giá trị;
2. Phát triển y tế, giáo dục và đào tạo;
3. Bảo tồn và phát triển văn hóa, lịch sử, du lịch;
4. Phát triển khoa học và công nghệ;
5. Quản lý lao động;
6. Quản lý và bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;
7. Quản lý đất đai;
8. Quy hoạch xây dựng;
9. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
10. Phát triển và quản lý hệ thống giao thông vận tải.

Điều 50. Hội đồng điều phối vùng Thủ đô

1. Hội đồng điều phối vùng Thủ đô có chức năng tham mưu thực hiện việc điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong các lĩnh vực, nội dung phối hợp của vùng Thủ đô quy định tại Luật này.

2. Hội đồng điều phối vùng Thủ đô có nhiệm vụ:

a) Đề xuất cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ phát triển bền vững vùng Thủ đô, công trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương thực hiện các nội dung phối hợp; ban hành Quy chế phối hợp giữa các tỉnh trong vùng Thủ đô; đề xuất và điều phối việc liên kết chương trình hợp tác giữa các địa phương trong từng lĩnh vực liên kết quy định tại Điều 49 của Luật này; giải quyết những vấn đề liên tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền các địa phương trong vùng Thủ đô;

c) Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu vùng Thủ đô, tăng cường chia sẻ thông tin giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô và giữa các tỉnh, thành phố trong vùng với các bộ, ngành;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể Hội đồng điều phối vùng Thủ đô.

Điều 51. Ưu tiên đầu tư phát triển vùng Thủ đô

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các chương trình, công trình, dự án có quy mô lớn, có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa và kết nối phát triển kinh tế, xã hội cho vùng và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô.

2. Ưu tiên huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô.

3. Các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô có trách nhiệm ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng trên địa bàn của mình.

4. Ưu tiên tổng hợp các công trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

5. Các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô, ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư theo phương thức PPP cho các chương trình, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Các công trình, dự án trọng điểm của vùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, quản lý và bảo vệ môi trường được đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn xã hội hóa được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Luật này.

Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục chương trình, công trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở đề nghị của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô.

Điều 52. Công trình, dự án trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật của vùng Thủ đô

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Thủ đô báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, đồng thuận về việc đầu tư thực hiện công trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô và đề nghị giao bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản và trách nhiệm trong việc đầu tư thực hiện dự án.

Căn cứ văn bản đồng thuận của các Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng điều phối vùng Thủ đô thống nhất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án.

3. Trường hợp có nguồn vốn ngân sách trung ương bố trí cho dự án thì được giao bổ sung có mục tiêu cho Ủy ban nhân dân được giao làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án để triển khai thực hiện.

4. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng Thủ đô có dự án thống nhất việc sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ địa phương khác để đầu tư dự án liên kết vùng.

5. Sau khi hoàn thành công trình, các địa phương chịu trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo trì đối với phần công trình nằm trên địa bàn mình.

Chương VI

GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THANH TRA VÀ TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN, QUẢN LÝ, BẢO VỆ THỦ ĐÔ

Điều 53. Trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

1. Quốc hội quyết định ngân sách đặc thù cho Thủ đô quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 35 của Luật này, giám sát tối cao việc thi hành và định kỳ 03 năm xem xét báo cáo của Chính phủ về việc thi hành Luật Thủ đô.

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thi hành Luật Thủ đô.

2. Trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo về việc thi hành Luật Thủ đô.

Điều 54. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Trách nhiệm của Chính phủ:

a) Ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp, giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển Thủ đô;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về Thủ đô; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các tỉnh thuộc vùng Thủ đô thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô;

d) Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đơn giản, rút ngắn trình tự, thủ tục nội bộ giữa các cơ quan và thủ tục hành chính, xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố;

đ) Định kỳ 3 năm tổ chức sơ kết việc thi hành Luật Thủ đô, báo cáo Quốc hội.

2. Hằng năm, Thủ tướng Chính phủ làm việc với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các tỉnh trong vùng Thủ đô và các bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành pháp luật về Thủ đô.

Điều 55. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Chủ trì, phối hợp với chính quyền thành phố Hà Nội trong việc xây dựng chiến lược phát triển ngành, quy hoạch ngành, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô;

2. Khi xây dựng các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội thì phải rà soát các quy định của Luật Thủ đô, nếu có quy định thuận lợi hơn so với Luật Thủ đô thì phải thống nhất ý kiến với chính quyền thành phố Hà Nội trong việc xác định việc áp dụng quy định này theo Luật Thủ đô hoặc áp dụng theo luật, nghị quyết đó.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình; giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực; quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho chính quyền thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này.

4. Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khi triển khai xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn Thủ đô để bảo đảm quản lý thống nhất theo quy hoạch.

5. Tuân thủ nghiêm trách nhiệm di dời trụ sở theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 56. Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc vùng Thủ đô

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch để phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô theo quy định của Luật này.

2. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và các tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô nghiên cứu, đề xuất các chương trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô.

3. Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của vùng Thủ đô trên địa bàn.

4. Xây dựng và cung cấp, cập nhật các thông tin, dữ liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Luật này và công bố thông tin về các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, thành phố thuộc vùng Thủ đô; phối hợp xây dựng chương trình hợp tác giữa các địa phương trong từng lĩnh vực liên kết quy định tại Điều 49 của Luật này.

5. Ban hành các cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ban hành các biện pháp nhằm khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án trọng điểm của vùng Thủ đô.

6. Phối hợp giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định liên quan đến vùng Thủ đô.

Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và Nhân dân Thủ đô

1. Xây dựng, phát triển Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, tiêu biểu cho cả nước.

2. Chủ động, tích cực mở rộng quan hệ, hợp tác hữu nghị với thủ đô các nước, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để xây dựng, phát triển Thủ đô; tăng cường đối ngoại Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, người dân Thủ đô tham gia các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học và công nghệ.

3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp của thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô;

b) Công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện các quy định của Luật này; bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật này;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này; kịp thời ban hành các quy định được Luật giao và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện Luật theo thẩm quyền;

d) Tổ chức và bảo đảm việc thi hành pháp luật về Thủ đô; quyết định những vấn đề của Thành phố trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Tăng cường giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đảm bảo việc kiểm soát quyền lực.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giám sát việc thi hành Luật Thủ đô;

b) Định kỳ xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện Luật Thủ đô;

c) Trường hợp luật này và luật chuyên ngành chưa phân định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp chính quyền mà mới quy định thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc quy định nhiệm vụ, quyền hạn chung của các cấp chính quyền địa phương thì Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định việc phân cấp, uỷ quyền thẩm quyền trong từng lĩnh vực cho 3 cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

d) Đổi mới phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại

giao, tổ chức quốc tế và cho việc tổ chức các chương trình, sự kiện quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thủ đô; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan trung ương, các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước;

b) Chủ động phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển;

c) Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô;

d) Tham gia ý kiến về các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến các chính sách, cơ chế đặc thù quy định tại Luật này;

đ) Định kỳ 03 năm tổ chức sơ kết, báo cáo Chính phủ về việc thực hiện Luật Thủ đô.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội và các tổ chức thành viên có trách nhiệm:

a) Giám sát việc thực hiện chính sách, quy định của Luật Thủ đô và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời phát hiện, đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội kiểm soát quyền lực trong các lĩnh vực, đối tượng cụ thể.

b) Phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật mà Luật này giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành;

c) Phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền và huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thủ đô trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

7. Cán bộ, công chức, viên chức của Thủ đô phải không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; hướng dẫn, tạo điều kiện cho người dân thực hiện đúng quy định của pháp luật.

8. Nhân dân Thủ đô có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực tham gia xây dựng chính quyền, nếp sống văn minh, thanh lịch, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Luật Thủ đô số 25/2012/QH13, Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 59. Quy định chuyển tiếp

Kể từ thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành, việc tổ chức chính quyền tại Thủ đô, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tiền đóng của chủ đầu tư để thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội thực hiện theo quy định sau đây:

1. Các quận, thị xã tại thành phố Hà Nội, được thành lập kể từ ngày Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội có hiệu lực thi hành, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan cho đến khi bầu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031;

2. Các phường tại thành phố Hà Nội, được thành lập kể từ ngày Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội có hiệu lực thi hành, tiếp tục thực hiện cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật có liên quan cho đến khi bầu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026 - 2031;

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, vùng Thủ đô được phê duyệt hoặc ký hợp đồng trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa hưởng các ưu đãi theo pháp luật hiện hành thì được hưởng các ưu đãi theo quy định của Luật này;

4. Đối với số tiền mà chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị đã nộp để thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì khoản tiền này được nộp vào khoản mục riêng trong Quỹ đầu tư phát triển của địa phương để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở đã triển khai trước ngày Luật này có hiệu lực thuộc diện phải bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng nhà ở xã hội nhưng chưa bố trí hoặc đã bố trí nhưng không còn phù hợp với quy hoạch hoặc thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền quyết định việc bố trí thay thế tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tập trung, bảo đảm đủ quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội của thành phố Hà Nội.

5. Các doanh nghiệp đang thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được chuyển đổi mục tiêu dự án sang nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, ươm tạo, đổi mới sáng tạo và tiếp tục sử dụng địa điểm đầu tư, quỹ đất đã được giao, cho thuê để thực hiện mục tiêu chuyển đổi;

6. Đối với khoản thu từ tiền sử dụng đất, tiền cho thuê đất, tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước. Sau khi Luật Ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung, quy định tỷ lệ điều tiết tiền sử dụng đất, thuê đất về ngân sách trung ương cao hơn, thành phố Hà Nội được áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 35 Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày tháng năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI